

M. 5100 (5)

THIÊN-CƠ'

DIỄN ÂM

Phú an Tỉnh

Viên Quang tự Quang Quảng

Pháp sư Trần chử tạo



SAIGON

IMPRIMERIE DE L'UNION

1926

M(6)

5100

THIÊN-CƠ'

DIỄN ÂM

Phủ an Tỉnh

Viên Quang tự Quang Quảng

Pháp sư Trần chề tạo



SAIGON
IMPRIMERIE DE L'UNION

1926

**Những quý bà in kinh làm phước,
xin in tên dưới đây :**

Ông Vương-Canh vợ bà Lương-thị-Mai Điền-chủ ở tại làng Đại-ngãi, cùng.....	100 cuốn
Bà Tạ-thị-Ngà bà chủ sự sở thương chánh ở Đại- ngãi, cùng.....	100 cuốn
Trần-thị-Xiêm, cùng	50 cuốn
Nguyễn-thị-Sách, cùng	50 cuốn
Đặng-thị-Ý, cùng.....	50 cuốn
Lê-thị-Ngư dit năm Ngũ, cùng.....	50 cuốn
Trịnh-thị-Yêu dit là Hên, cùng.....	100 cuốn

Trong mấy bà này cũng đều ở tại chợ Đại-ngãi tổng Định-hòa
tỉnh Socrang.

Chúng tôi chung nhau in kinh Thiên-Cơ Ngộ-Đạo-Truyện này
ra 500 cuốn. Khuyên giải về việc làm lành mà tu thân, dặng mà
gởi cho chư qui-vị trong các lục-châu.



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

TỰA

Kính cáo cùng chư qui Sư, qui Đạo-cò, thiện-nam, tín-nữ có tên Nguyễn-thị-Lan, pháp danh Trùng-Mây, tự Giải-Ngọc, ở Đà-nẵng ấn tống một quyển Thiền-Cơ, nên tôi là Nguyễn-xích-Hồng thấy vậy có lòng ái-mộ, xin giải nghĩa thêm cho rõ, ấn tống một ngàn quyển, lại có soạn hết sự tích các vị Phật, từ lúc khai Thiền lập Địa đến nay, đức Phật nào ra đời ông Vua nào, chép ra rõ ràng, xin chư qui Sư thượng-nhơn, thượng-trí hoan hỉ, vì tôi mới trung niên xuất gia, học lực chưa được bao nhiêu, nhờ qui Sư xem chỗ nào thấy nghĩa chưa rành hay là thiếu nghĩa, ra ơn giúp nghĩa thêm, thời tôi cảm phục ơn đức vô cùng.

NGUYỄN-XÍCH-HỒNG.

Chùa Quảng-Trường Gia-định.

*Bóng sáng hào quang trước Nhứt-Hồng,
Ngàn thu soi khắp giữa hư-không.
Quảng-trường lời Phật thường khuyên dạy,
Một niệm tu-trì giữ Thiện-công.*

Lời dẫn. — Ai mà tay dơ, xin chớ cầm quyển sách này, vì trong quyển sách có chép đủ sự bí-mật, đạo nhiệm mầu, và sự tích các đức Phật, nên ai biết kính trọng quyển sách này cũng như kính trọng các vị Phật vậy.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

5

THIÊN-CO' NGỘ ĐẠO TRUYỆN

Lánh Trường-an thanh nhân dưỡng tánh (1),
Sửa tấm lòng thung-thỉnh hóm mai.
Xét mình kém đức thừa tài,
Kính tin đã cậy Phật Trời chứng minh.
Thuở phù sanh găm mình thiếu phước (2),
Ngỗ tình cờ nhờ gặp Chánh-Tôn (3).
Cảm ơn đức cả rộng dung (4),
Thân tâm đều gởi về dòng Phật gia (5).
Lòng thiết tha bốn ơn hằng đội (6).
Phải toan phương tìm tới minh sư (7).
Tập rèn lựa lọc kinh thơ (8),
Chỉ làm vượt tới vô dư cõi ngoài (9).

(1) *Trường an* : Chỗ đô-hội, phiên-ba, là một chỗ náo động, phải lánh chỗ ấy để cho thanh nhàn mà dưỡng tâm tánh.

(2) *Phù sanh* : Kiếp đời người nông nổi ở trên cõi trần, găm lại trong mình ít đều có phước.

(3) *Ngỗ tình cờ* : May mà gặp, Chánh-Tôn là thầy đạo đức.

(4) *Đức cả* : Đạo-phật, oai đức vô cùng, bao hàm thế-giải ; *Rộng dung* : rộng lớn, bao dung.

(5) *Thân tâm* : Thân mình phải nương dựa chỗ thiền tăng, tâm mình phải chỉ thành tụng kinh niệm Phật luôn luôn, một cái thân, một cái tâm đều gởi về giòng nhà Phật.

(6) *Bốn ơn* : 1^o Quân sư huấn dục, nghĩa là vua thầy dạy dỗ, 2^o Phụ-mẫu sanh-thành, nghĩa là cha mẹ sanh thành, 3^o Thiện-hữu trí thức, nghĩa là bạn lành quen biết, 4^o Dân na thí chủ, nghĩa là thập phương cùng dường.

(7) *Minh sư* : Thầy đạo đức.

(8) *Tập rèn* : Tập học rèn mài. Lựa lọc phải tụng đi tụng lại trong kinh Phật luôn luôn.

(9) *Cõi ngoài* : Cực lạc quốc (cõi Phật), nội là cõi trần, ngoại là cõi Phật.

Lánh trần ai dỗi mài lòng cỗi (1),
Cá hóa rồng chờ có thuở nên (2).
Bốn ơn ghi dạ lo đèn,
Vun trồng cội đức giữ gìn chớ trôi (3).
Trọng hiền tài kinh lân tri thức (4),
Kết bạn lành nhờ đức hóm mai.
Ngọc lành sao chẳng dỗi mài (5),
Gương xưa nở để trần ai lâu ngày (6).
Rất chóng thay tháng ngày đường gió (7),
Tới non vàng dễ bỏ về không (8).
Ngựa qua cửa sổ kịp xong (9),
Vui chi cá chậu chim lồng chẳng lo (10).
Đã xét so dốc theo thiên-giáo (11),
Của phi tài vô đạo chẳng tham (12).
Ruộng trời năm mẫu hằng làm (13).

(1) *Lòng cỗi* : Lòng còn bó buộc cội trần gian, phải tỏ dỗi mài lại, dỗi lòng cũ ra lòng mới.

(2) *Cá hóa rồng* : Đã thành phật đạo.

(3) *Cội đức* : Gốc tánh lành ở trong mình, mình phải vun trồng và giữ gìn chớ cho trôi mất.

(4) *Hiền tài* : Kẻ hiền lành và tài năng; *Tri thức* : Kẻ quen biết, phải kính trọng những người ấy.

(5) *Ngọc lành* : Nhơn đức của mình khôn hơn muôn giống.

(6) *Gương xưa* : Trước cha mẹ sanh ra lúc nhỏ tánh còn đương lành, mình phải tỏ dỗi chùi rửa cho sáng chớ để trần ai bụi dơ lâu ngày.

(7) *Đường gió* : Ngày qua tháng lại mau như gió bay; khi nhỏ mà không biết tu, thì đến già tu sao kịp.

(8) *Non vàng* : Đạo phật có màu nhiệm, đã biết tới chỗ ấy thì phải bỏ buộc thân tâm mà tu hành chớ nên bỏ đi.

(9) *Ngựa qua* : Bỗng chời mất trời giới qua cửa sổ, một phút thời tàn liền, ví dụ như người đời sống không được lâu.

(10) *Cá chậu chim lồng* : Phú quý công danh bó buộc thân mình cũng như cá chậu, chim lồng bó buộc ở trong ra không được.

(11) *Thiên giáo* : Đạo-phật, dốc lòng theo đạo phật.

(12) *Của phi tài* : Của bất nghĩa, vô đạo, của không có đạo lý, của gạt người ta mà lấy.

(13) *Năm mẫu* : Ngũ giới cấm : 1^o không đặng sát sanh, là nhơn ; 2^o không đặng ăn cắp, là lễ ; 3^o không đặng tà dâm, là nghĩa ; 4^o không đặng nói láo, là tín ; 5^o không đặng uống rượu, là trí.

Lựa là tội Lắt tằm nam nhọc nhằn (1).
Nhà sáu căn che thân ngày tháng (2),
Một ngọn đèn soi rạng mười phương (3).
Thường phần ngũ phạm danh hương (4),
Dựng lên thượng điện cùng đường tam thân (5).
Việc cho cần thoát ba đường khổ (6),
Lòng nhơn từ nở bỏ sáu phương (7).
Hôm mai lễ niệm Không-Vương (8),
Chúng sanh mê mụi lòng thương nở nào (9).
Cháy hồng hào rần-rần lửa dục (10),
Nước ái hà sục sục dầu sôi (11).
Gương xưa tri huệ tựa đôi,
Dụng thanh lương thủy mà rơi lửa phiền (12).
Hỡi cầm quyền đạo thuyền vô đề (13).

(1) *Lựa là*: không cần đi tìm đâu xa.

(2) *Sáu căn*: 1^o Nhãn, (con mắt); 2^o Nhĩ, (lỗ tai); 3^o Tĩ, (mũi); 4^o Thiệt, (lưỡi); 5^o Thân, (toàn thân người); 6^o Ý, (ý tứ, óc khôn); ở trong là Lục căn, hiện ra ngoài là lục trần.

(3) *Ngọn đèn*: Cái tâm của mình phải luyện lập cho tốt; để ngày sau thành đất quả, sáng khắp cả mười phương thế giới.

(4) *Ngũ phạm*: Nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín.

(5) *Tam thân*: Vua, cha mẹ, sư trưởng, mình phải đem đạo ngũ thường mà phụng thờ ba bậc ấy cho hết lòng.

(6) *Ba đường khổ*: Địa ngục khổ; súc sanh khổ, ngã quí khổ.

(7) *Nhơn từ*: Lòng người có nhơn đức, hiền lành, sáu phương là lục trần, con mắt muốn xem con gái đẹp, lưỡi muốn nếm đồ ngọt, miệng muốn ăn đồ ngon, mũi muốn hửi mùi thơm, tai muốn nghe hát xướng, mạng-môn tương hỏa dục ý mình nóng đỏ như lửa vậy thời mình đã có lòng nhơn từ thời chớ bỏ mà theo những món lục căn.

(8) *Không-Vương*: Đức Phật, A-di-đà.

(9) *Chúng sanh mê mụi*: Bởi vì người ta mê mụi không biết tu hành, cho nên Phật có lòng thương không xiết.

(10) *Hồng hào*: Bởi vì lục căn dục lòng mình ham mê không chán, như lửa cháy đỏ không tắt.

(11) *Ái hà*: Sông tình ái, bởi vì lòng người nhiễm trong tình ái sôi sục sục như dầu, nghĩa là rần người ta không nên ham mê tài sắc.

(12) *Thanh lương thủy*: Nước trong mát, ví dụ: dùng phép đạo đức mà giặt trừ cái lòng giận dữ phiền não, cũng như dùng nước trong mát mà tưới cho tắt lửa nóng.

(13) *Thuyền vô Đề*: Thuyền không đáy, người làm đạo Phật, cũng như đóng chiếc thuyền không đáy mà chèo qua biển phong trần.

Vượt ái-hà nào kể phong ba (1).
Đạo chơi thế giải ta bà (2),
Đầu đầu là chẳng cửa nhà bản tăng (3).
Xem tử sanh vi bằng mây nổi (4),
Gấm lợi danh đường đời mưa dòng (5).
Vi tham tài sắc huyền không,
Nên nổi mê lòng sanh tử bèn quên (6).
Nghĩa chưa đền ơn trên nào nhớ (7),
Biết lấy chi trả nợ bốn ơn.
Mười phần chưa đặng một phần.
Lấy đầu ngay thảo xứng cân cho tày (8),
Dễ dâm quên ơn thầy nghĩa bạn.
Chút lòng đơn muôn cạn hiểu trung (9),
Một nổi hương huệ đốt xông (10).

(1) *Vượt ái hà* : Gắng sức chèo thuyền vượt của sông tình ái không kể gì sóng gió.

(2) *Đạo chơi* : Đi cho khắp trong cõi ta-bà. Cõi ta-bà có đến số trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ thế-giải như cõi thế-gian.

(3) *Bản tăng* : Thầy chùa nghèo, nghĩa là đi đầu cũng là chỗ tu hành phải chịu khổ hạnh, làm thầy chùa nghèo đời không được sang trọng, đang điểm như người thế gian.

(4) *Mây nổi* : Người ở đời sống đó, rồi chết đó, như đám mây nổi lên đó, một phút lại thấy tan liền.

(5) *Mưa dòng* : Lợi lộc công danh ở trên đời, như đời mưa dòng xuống, một lát lại tan hết liền.

(6) *Sanh tử bèn quên* : Vì tham tài sắc nên không tưởng đến lúc sống để tu hành, lúc chết nhờ được siêu tăng.

(7) *Nghĩa chưa đền* : Nghĩa càng thường luân lý trong bốn phần mình chưa lo làm xong, thời làm sao mà nhớ đến ơn phật thánh trên được.

(8) *Ngay thảo* : Chữ trung, chữ hiếu, Trung là ở với vua cho ngay, Hiếu là ở với cha mẹ cho thảo, một bên trung, một bên hiếu mà chưa đặng xứng cân cho bằng nhau.

(9) *Lòng đơn* : Lòng thành. — Muôn cạn. — Một muôn hồ đựng nước, nghĩa là một chút lòng lành mà chứa đựng đạo hiếu trung nhiều bằng một muôn hồ nước.

(10) *Hương huệ* : Trí huệ (chánh thọ), nghĩa là thọ đạo chánh, (chánh định), nghĩa là định đạo chánh, (chánh tri) nghĩa là cảm đạo chánh, ba sự chánh ấy gọi là hương huệ, một nổi là một lòng, một lòng trí huệ rực rỡ lên, cũng như một nổi hương đốt xông lên.

Ba biến kinh lòng thường niệm hôm mai (1).
Chữ sắc tài mặc ai đua sánh,
Giữ phàn hèn nường cảnh thiền tang.
Mây che nên nổi lơ trắng (2).
Huê nhứt thẳng đẳng sương tuyết mới tiên (3).
Thuốc hay chữa đẳng bệnh nghèo (4),
Lời mầu phật dạy tội tiêu phước dày.
Như nhau đọc mũi ngang mây (5),
Lòng phạm lòng thánh cách thay ngàn trùng.
Hồi đổi lòng sắc không không sắc (6),
Lo chi đường lợi bắc lăm đông.
Nhớ câu ma phật bồn đồng (7),
Vặc vặc đèn lòng soi xét chẳng sai (8).
Sự sắc tài thay dời lòng đá (9),
Hằng lánh xa chớ bá chớ đàn (10).
Cung đầu khéo bắn thời lên (11).

(1) *Kinh lòng* : Tâm kinh, nghĩa là mình phải giữ buổi tối, buổi sớm thường niệm phật trong tâm mình luôn luôn ngày nào không bỏ.

(2) *Mây che* : Nghiệp chướng che mắt lòng người.

(3) *Huê nhứt* : Gương trí huệ. — Vì nghiệp chướng che mờ, nếu có gương trí huệ trong lòng mình chói sáng lên, thời những điều nghiệp chướng tan sạch hết.

(4) *Lời mầu* : Đạo mầu nhiệm : nghĩa là phật đem đạo mầu nhiệm dạy biểu cho người, tự nhiên các điều tội lỗi tiêu hết, mà phước dày thêm, cũng như thầy thuốc đem thuốc hay mà trị bệnh hèn, thời bệnh được lành.

(5) *Đọc mũi ngang mây* : Ai ai sanh ra, cũng một cách lơ mũi dọc, lòng mây ngang, hình thể phạm cũng như thánh, nhưng mà cái lòng thời thánh, ra thánh, phạm ra phạm, cách nhau xa lắm.

(6) *Sắc không* : Sắc mà không, không mà sắc, (hữu tướng vô tướng), nghĩa là có tướng mà không tướng, một lòng tự-nhiên, phải cứ giữ tu hành một lòng tự nhiên, lo chi tìm chỗ đầu cho mệt.

(7) *Ma phật* : Ma với Phật ở lộn lạo cùng nhau.

(8) *Đèn lòng* : Lòng sáng như đèn, nghĩa là ma với Phật tuy ở lộn lạo, nhưng lòng sáng như đèn thời thành phật, mà lòng tối tăm mê mụi thời thành ma.

(9) *Lòng đá* : Lòng mình tuy cứng như đá, mà sự sắc tài hay dời đổi lòng mình.

(10) *Chớ bá* : Phải lánh xa sự sắc tài, chớ bàn nói đến sự ấy.

(11) *Cung đầu* : Lòng mình như cung bằng đầu, khéo luyện tập thời tu đắc quả, cũng như uốn cung bằng đầu khéo bắn thì lên đến cao.

Chuyện chi giữ gìn đạo cả ắt nên (1).
Hồi chăm lòng vun trồng tưới nước (2).
Quả bồ-đề chắc được không sai (3).
Bỏ về thời thiệt mặc ai (4),
Chớ khá chê cười mà tổn phước ta (5).
Tảo tự gia môn tiền chi tuyết (6),
Hơi nào mà đàm thuyết sự ai (7).
Mực vào son thắm ắt phai (8),
Gần đứng hiền tài người dữ xa trông (9).
Dữ cho không cái lòng nhờn ngã (10),
Tự trắng rằm chẳng bả đàm mây (11).
Vả bỏ vắn kết chi nài (12),
Thảo lư am tiện tháng ngày dựa nương (13).

(1) *Đạo cả* : Đạo Phật.

(2) *Vun trồng* : Phải chăm lòng tu hành, như trồng cây phải chăm tưới nước.

(3) *Quả bồ-đề* : Đại đạo, nghĩa là mình chăm lòng tu hành sau cũng thành đại-đạo.

(4) *Bỏ về* : Đã biết xuất gia tu hành, mới được nửa chừng lại bỏ về, thời thiệt cho người ta.

(5) *Chớ khá* : Không nên chê cười nhạo báng đạo Phật mà tổn phước.

(6) *Tảo tự gia* : Phải giặt trừ những điều nghiệp chướng trong thân mình, cũng như quét rửa những cái sương tuyết trong nhà mình không cho nhiễm một chút dơ dáy.

(7) *Đàm thuyết* : Không nên bàn nói việc người ta.

(8) *Mực vào* : Người hung dữ hay làm phần kẻ hiền lành cũng như mực vào lộn son, thời son phải phai.

(9) *Gần* : Mình phải gần nương cây người hiền tài mà phải lánh xa người hung dữ.

(10) *N nhờn ngã* : Người ta bỏ cho dốt cái lòng tranh cạnh, phải có lòng rộng suy nghĩ người khác cũng như ta, chớ có lòng sân si nhờn ngã thì phải chết nài.

(11) *Trắng rằm* : Lòng mình trong sạch, sáng như trăng rằm, không dơ dáy một chút trần lụy gì hết.

(12) *Vả bỏ* : Bả nấp chi y; nghĩa là thầy chùa thì bận áo bả nấp, vả chăm chấp nối lại.

(13) *Thảo lư* : Liều lợp lá. Am tiện am thấp hẹp, ở trong chỗ ấy tu hành, tháng ngày nương dựa vào đó.

Cũng đã từng trải đường danh lợi (1),
Uổng nhọc mình thấy vậy lại không.
Sửa chí dùng an lòng phận khổ (2),
Muôn việc đã cậy có Phật Tiên.
Sang giàu là án ưu phiền (3),
Gây đường nghiệp chướng cần quyền làm chi (4),
Lời thị-phi khen chê mặc thế,
Hơi nào mà cấm chớ ngăn sông (5).
Tơ kia ra mối ắt xong (6),
Mấy thiền ngộ dặng tấm lòng bền an.
Lửa cháy tàn lò than rơi lạc (7),
Trông người đời há được bao lâu.
Mấy ai cho biết mà cầu,
Ngàn vàng dễ dặng lời mầu khôn trao (8).
Đạo tri cao nên người yếu dãi (9),
Mới vi đường hồ hải đưa sang (10).
Cho hay túi rách có vàng (11).

(1) *Đường danh lợi* : Đã từng trải khắp, đường danh lợi nhưng mà thấy trước con mắt mà sau lại đi đầu mắt, rồi cũng như không.

(2) *Phải sửa* : Chí lại, chớ ham danh lợi, chỉ an phận dặng mà tu hành.

(3) *Sang giàu* : Phú quý là làm sự thêm lo thêm phiền trong lòng người, chỉ cho bằng chỗ thiền-tăng thanh nhàn dặng mà tu dưỡng tâm lành hơn.

(4) *Nghiệp chướng* : Những điều tham sân si hay làm nghiệp ác cho mình, không nên gây những điều ấy.

(5) *Hơi* : Lời người khen mình hay là chê mình cũng không cần gì, cũng không ngăn cấm miệng người ở đời được.

(6) *Tơ kia* : Ví dụ đã tìm được mối đạo, thời thành đặc quả, ngộ dặng mấy thiền thời trong lòng được an.

(7) *Lửa cháy tàn* : Ví dụ kiếp người một may chết xuống cửu tuyền, thời việc trên đời bỏ hết, cũng như lửa cháy tàn thì còn than rơi rớt đi, cho nên lúc sống không biết tu hành, nhờ có Phật tổ chứng giám cho, thì đến khi chết, cái kiếp sau cũng không ra gì.

(8) *Lời mầu* : Đạo mầu nhiệm. Nghĩa là ngàn vàng dễ kiếm dặng, đạo mầu nhiệm khó tìm dặng.

(9) *Đạo tri* : Đạo đức tri huệ, có đạo đức tri huệ cao giỏi hơn người ta thì người ta yếu mến trọng dãi.

(10) *Hồ hải* : Đã thành đặc quả, cũng như đã qua khỏi biển.

(11) *Túi rách* : (Thân bản đạo bất thân) : Nghĩa là thân nghèo mà đạo không nghèo ; Ví dụ : Túi rách mà có vàng đựng đầy túi.

Đêm tối lạc đường nhờ đuốc người ngay (1).
Tưởng chi cây yếu vì có trái (2),
Chữ cạn cùng nghĩa lý thâm sâu (3).
Đất bằng ai mượn bắc cầu (4),
Bịnh lành phải chuốc thuốc màu làm chi.
Sự u-mê khác chi tầm kén (5).
Mình buộc mình ai khiến do sao.
Thuyền đưa xây gập ba đào (6).
Chống chèo gắng sức đôi nào sẽ hay.
Dòm dưới ngòi nhắm coi bóng thỏ (7),
Thấy trăng rằm tay vỗ ca xang (8),
Bối mình vụng liệu chẳng toan (9),
Churn không bước ngược lên ngàn đặng đâu (10).
Tuổi bạc đầu độc sáu không giảng (11),
Tham sang giàu biển cạn khôn phai (12).

(1) *Người ngay* : Người ngu đại, nghĩa là người tuy ngu đại mà có đuốc soi cho mình đi đêm, cũng như người tuy hèn hạ mà có đạo mở mang cho mình rõ biết.

(2) *Tưởng chi cây* : Nghĩa là cây tuy xấu mà trái tốt đẹp thì người yêu chuộng cũng như người tuy xấu mà có đạo tốt, thì người ta kính trọng.

(3) *Cạn cùng* : Phải học cho chắc nghĩa lý, cho cùng hết chỗ bí diệu.

(4) *Đất bằng* : Ví dụ : Trong lòng đã có phật (Tâm bửu phật), thời không phải đi tìm chỗ khác cũng như đất bằng không phải bắc cầu; bệnh lành không phải uống thuốc.

(5) *U mê* : Sự tài sắc mê mải trong mình cũng như tầm kén mở mỗi không ra.

(6) *Thuyền đưa* : Sự tu hành phải chịu gắng sức hết lòng làm cho đặng công quả, cũng như chèo chiếc thuyền vừa gặp sóng gió, cũng phải gắng sức chèo cho qua biển sẽ hay.

(7) *Bóng thỏ* : Bóng mặt trăng, Ngòi là chỗ rạch.

(8) *Thấy trăng* : Nghĩa là đã ngộ đạo phật, thời phước quả tròn trịa được, cũng như chèo thuyền gặp sóng gió, nhìn được cuỗ rạch thấy trăng tròn sáng thì mừng rỡ tay vỗ hô khoan.

(9) *Vụng liệu* : Không biết tính liệu.

(10) *Churn không* : Ví dụ : Tu hành khôn đủ sức, không tìm ra gốc đạo, thời không có thể thành công kết quả được.

(11) *Bạc đầu* : Tuổi đã già mà còn giữ lòng độc ác, sâu hiểm, không biết tu tỉnh lại mà bàn luận đạo lý.

(12) *Biển cạn* : Nghĩa là, tham sang giàu không chán, đến gần chết cũng cứ giữ cái lòng tham không phai, như biển đã cạn rồi, mà dầu nước đương còn, không phai cho hết.

Thân người như tuyết ban mai (1).
Vi như bèo bọt trôi mãi làm chi (2).
Vàng mạ-xi trao chi vật ấy (3).
Sao chẳng tìm cho thấy chơn kim (4).
Đèn kia sáng bởi vì tìm (5).
Đốt thời thấy sáng lựa tìm đâu xa (6).
Phật trong nhà ấy là ớn ná (7).
Hay kinh thờ đạo cả ắt nên.
Kể khó hèn kinh tin chẳng dễ (8).
Cây một mình mới kể rằng cây (9).
Làm trai dạ gió lòng mây (10).
Nhọc nhằn cũng uổng công rày nên chi.
Mật ngọt kia dính dao mấy chút (11).
Phỉnh hải đồng liếm mứt đứt môi (12).
Nghêu cò vô ý chẳng coi (13).

(1) *Thân người* : Thân người sống trên đời không lâu, cũng như sương tuyết buổi mai, có mặt trời lên thời tan.

(2) *Bèo bọt* : Thân người ở trên đời linh đình, cũng như bèo bọt trôi trên mặt nước ; không nên trao đổi làm chi.

(3) *Vàng mạ xi* : Công danh lợi lộc, ví dụ như vàng mạ xi.

(4) *Chơn kim* : Vàng thật, chánh đạo ví như vàng thật.

(5) *Đèn kia* : Ví dụ ; tâm là phật, phật là tâm, (Tâm-tức phật, phật tức tâm) trong tâm mình ngộ đạo, thời phật ở trong tâm hiện ra.

(6) *Phật đã ở trong tâm mình hiện ra*, tỏ khắp trong thế giới, không phải đi tìm đâu xa.

(7) *Phật trong nhà* : Cha mẹ là phật trong nhà, ớn ná là đủ lắm, Đạo cả là đạo phật. Nghĩa là phật trong nhà cũng đủ kinh thờ, đã biết kinh thờ phật trong nhà, thời đạo phật chắc nên được.

(8) *Kể khó hèn* : Nghĩa là kể giàu có mà kinh tin đạo phật thời nhiên, mà kể khó hèn mà biết kinh tin không được mấy.

(9) *Cây một mình* : Ví dụ chỗ phạm trần mà tu được mới gọi là khôn, bởi vì ai ai cũng ham danh lợi ; mà một mình biết giữ tu hành, không chịu theo như người phạm trần.

(10) *Làm trai* : Nghĩa là làm thân trai thường hay ham mê tài sắc, vui say chè rượu như vậy thì cũng hao tổn tinh thần mà làm sự vô ích, không thành công việc gì.

(11) *Mật ngọt* : Công danh phú quý.

(12) *Phỉnh hải đồng* : Gạt con nít, nghĩa là ; công danh phú quý là mùi già ở đời, không được mấy chút, lại còn gạt con nít ham mến, không biết khuyên dỗ nó ham mùi đạo nhậm mầu.

(13) *Nghêu cò* : Ví dụ, người đời không có ý suy nghĩ.

Mỡ dính miệng ruồi được mầy mà ham (1).

Ngụ thảo am luận đàm đạo lý (2),

Chữ lợi danh phú qui chẳng tham.

Đạo lành phải gắng mà làm,

Máy thiền ngộ đặng thời an tâm lòng.

Thuyền giữa dòng chi lăm tới bến (3),

Dễ lòng còn tham mển chi sao.

Minh bìa sá nại tên lao (4),

Thần cây dầu nhịn đẻo bào mặc ai (5).

Chốn Đà Triền khoan thay dưỡng tánh (6),

Đạm mầu thiền tịnh tịch sớm trưa (7).

Bữa dùng rau cháo tương đưa,

Ý quen đã hiệp miệng vừa thời thôi.

Nước chảy xuôi thuyền kia chống ngược (8),

Chốn phạm trần tu được mới ngoan.

Nước xoi đá cũng hay mòn (9),

(1) *Mỡ dính* : Ví dụ, tài sắc ở bề ngoài dính đắp không được mầy chút mà mình còn ham mển làm gì.

(2) *Thảo am* : Am lợp lá, nghĩa là ở am lợp lá đặng mà bàn luận đạo lý.

(3) *Thuyền giữa dòng* : Nghĩa là mình đã tu hành được nửa chừng, thời phải chăm chỉ lo cho được thành đạo phật, cũng như chèo thuyền giữa dòng, phải gắng sức chèo cho tới bến.

(4) *Minh bìa* : Thân mình đã xuất gia tu hành phải chịu khổ hạnh, cũng như mình cái bìa không kể chi tên cung bản vào.

(5) *Thần cây* : Thân mình đi tu hành ăn bận cực khổ, dầu ai có chê mình dại, hay là khen mình phải, cũng mặc ai, cũng như thần cây ai đẻo vuông bào tròn cũng mặc ai.

(6) *Chốn Đà Triền* : Là nhà thiền gia.

(7) *Đạm mầu thiền* : Ham mầu đạo phật, tịnh tịch, Thanh vắng: nghĩa là ở chỗ nhà thiền thanh vắng, buổi sớm buổi trưa ham mển mầu đạo phật.

(8) *Nước chảy xuôi* : Ví dụ ở đời ai ai cũng ham lo những việc làm giàu có danh lợi, mà mình lại chịu khó nhọc tu hành, không theo như mấy người phạm trần cũng như nước chảy xuôi mà có chiếc thuyền kia chống ngược lại.

(9) *Đá mòn* : Ví dụ mình cứ luyện tập tâm tánh, cố gắng tu hành, bữa nay thấm mầu đạo một ít, bữa mai thấm một ít, lâu lâu nên đặng Đạo, cũng như nước xoi thì đá phải mòn.

Đường trường chớ ngại lòng son cho bền (1).

Kinh Thánh-hiền cho chuyên tập đọc,

Sự chưa từng chẳng học sao nên.

Chưa nên chớ khá xa thầy,

Bệnh già dễ dâm buông giây đi không.

Còn cách sông nường thuyền bát nhã (2),

Vượt ải hà biển cả ắt xong (3).

Sự ở lòng tỏ thông thời dặng,

Phật hiện tiền phải kiếm đâu xa.

Nên hư cũng ở lòng ta,

Chẳng chánh thời tà chẳng ngộ thời mê.

Quả bồ-đề một mai có chín (4),

Hoa ưu đàm hiện đủ mấy thu (5).

Tam thừa tuyệt trí thủ ngu (6),

Được ba lẽ ấy công phu mới nhuận (7).

Có bi có lực có hùng (8),

(1) *Lòng son* : Lòng cứng như son như sắt, nghĩa là đường chánh đạo thời còn, dài, mà mình cứ giữ lòng son cho bền dặng mà làm nên, chớ ngại đường dài mà nửa chừng thôi chí.

(2) *Thuyền bát nhã* : Thuyền độ tận (thuyền qua bến) nghĩa là : chưa làm nên đạo Phật, thời phải nường chờ thiền tăng dặng mà tu hành, cũng như còn cách sông thời phải nường chiếc thuyền để chèo cho qua bến.

(3) *Vượt ải hà* : Vượt qua khỏi sông tình ái ; biển phong trần, thời mới thành công đắc quả.

(4) *Quả bồ đề* : Đại đạo đã thành rồi, như quả bồ đề đã chín rồi.

(5) *Hoa ưu đàm* : Đại báu thanh liên hoa, hoa thanh liên, ba ngàn năm một lần hiện, mỗi một lần hiện thời có Phật ra đời, nghĩa là mình thành đại đạo thì thấy dặng Phật. Mấy thu như mấy năm. Nghĩa là mấy năm thấy dặng Phật.

(6) *Tam thừa* : Hạ thừa, trung thừa, thượng thừa ; *Tuyệt trí* : chơn cùng hoặc tận, nghĩa là chơn chánh tốt phẩm đều làm lỗi hết sạch ; *Thủ ngu* : chừa căn đi đoạn, nhứt khối tự nhiên, nghĩa là các căn đã dứt hết, một cục tự nhiên như trời như đất.

(7) *Ba lẽ* : Từ bậc tam thừa lên đến bậc tuyệt trí, rồi lên đến bậc thủ ngu, được ba lẽ ấy thì công phu mới được nhuận nhã, đã thành một vị bồ tát.

(8) *Có bi* : Đại hùng đại lực đại từ bi, nghĩa là có hùng dũng lắm, có lực lượng lắm, có từ bi lắm. Có hùng dũng lực lượng để gắng luyện tập tu hành mới làm nên dặng từ bi.

Mỏi phải sức dùng nhảy biển treo non (1).
Một bầu nhiệm chứa cân khôn (2).
Tùy duyên hóa độ ai còn dám chê (3).
Ngày xuân thông thả tay đề,
Bút hoa lão thảo chép ghi để truyền.

CHUNG

*Khuyên ai ngộ đặng máy Thiền gia,
Giữc mộng mơ mong hóa tỉnh ra.
Một niệm chơn tu ngàn phước quả,
Chờ than rằng trẻ, chờ than già.*

*Biên hòa, Chúc-thọ tự Kiết-ma hiệu:
THIỆN-HƯƠNG, chứng minh.*

Ấn tổng 1000 quyển, phụng cúng 300 quyển tại trường hương
chùa Chúc-Thọ Biên hòa, năm Ất-Sửu (1925).

(1) *Nhảy biển* : Nhảy qua biển phong trần treo lên núi đại đạo.

(2) *Một bầu* : Một cái tâm, một cái tâm mà thả ra thời bao la cả cân khôn thể giải, thu lại thời một bụi nhỏ cũng vào hết. Nhiệm chứa cân khôn chất chứa trời đất trong một cái tâm, che chở cho ai cũngặng.

(3) *Tùy duyên* : Tùy người mà hóa độ, nghĩa là người tài trí thời tùy lực tài trí mà hóa độ, người ngu hèn thời tùy lực ngu hèn mà hóa độ, con trai tùy duyên con trai, con gái tùy duyên con gái, mình cũng đem đạo phật ra hóa độ cho được cả, ai còn dám chê bai.

PHỔ-MÔN KINH

Hương toàn viết:

Lư hương sạ nhiệt, pháp giải mông huân. Quan-Âm hải hội
tất diêu văn. Tùy xir Kiết lưong vân. Thành ý phươg ân. Chư
phát hiện toàn thân.

Nam-mô Hương-Vân-Cái bồ-tát, ma-ha-tát. (Câu này đọc ba
lần, lạy...)

Nam-mô bốn-sư Thích-Ca, mẫu-ni phát. (Câu này đọc ba
lần, lạy...)

Khai kinh kệ:

Vô thương thạm thạm vi diêu pháp,

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.

Ngã kim kiến vãng đăc thọ trì,

Nguyên giải Như-Lai nhưn thuyệt nghĩa.

Nam-mô Thanh-quang tự-lại bồ-tát, ma-ha-tát. (Câu này đọc ba
lần, lạy...)

Diệu pháp Liên-hoa kinh

Quan-thế-âm Bồ-tát Phổ-môn phẩm

Nhĩ thời, Vô-tận-Ý bồ-tát, tức tung tọa khởi, thiện đăg hữu
kiên, hiệp chươg hương phát, nhi tất thị ngôn: «Thế-tôn, Quan-
thế-âm bồ-tát, dĩ hà nhưn duyên, danh Quan-thế-âm?» Phật
cáo: «Vô-tận-Ý bồ-tát, thiện-nam-tử! Nhược hữu vô lươg, bá
thiên vạng ức chúng sanh, thọ chư khổ năo. Văg thị Quan-
thế-âm bồ-tát, nhưn tâm xưng danh Quan-thế-âm bồ-tát, tức thị

PHỔ-MÔN-KINH GIẢI NGHĨA

Lời chúc sự tháp hương rằng :

Lư mới đốt hương, khói bay khắp thế giới. Ất là Quan-Âm ở Nam-hải (biển nam) cũng hay mùi thơm. Khói hương tới xứ nào cũng thành mây lành xứ ấy, vì lòng đương kinh thành, nên các vị Phật đều hiện hình xuống chùng.

Nam-mô là lời vái, cũng như tiếng cung thỉnh. Thỉnh ông Phật bồ-tát hiệu Hương-vân-Cải, ma-ha-tát, là chức bồ-tát thiết thọ. (Ma-ha là thiết thọ).

Bài kệ mới dờ kinh ra : *(Kệ cũng như thơ)*

Cải phép Phật mẫu-nhiệm rất sâu, không còn bức nào trên nữa.

Trăm ngàn muôn kiếp cũng khó gặp phép Phật truyền kinh như vậy :

Tôi nay dặng thấy dặng nghe, quyết trì tụng mà chịu ý lời dạy.

Tình nguyện giải cho thông cái nghĩa lý thiết của Phật Như-Lai.

Thỉnh đức Phật bồ-tát thiết thọ hiệu Thánh-quang tự-tại (Quan-Âm).

Kinh này là phép nhiệm thanh tịnh như bông-sen, của Quan-thế-âm bồ-tát, hiệu là kinh Phổ-môn, (khắp hết các cửa).

Khi ấy ông Phật bồ-tát hiệu Vô-tận-Ý, đương chầu Phật Thích-Ca, liền đứng dậy bước xuống, trật áo trắng bày vai bên hữu, làm như kẻ có tội chấp tay ngó Phật, mà bạch với đức Phật Thích-Ca rằng : « Bạch Phật Thế-tôn : Chẳng hay (1) Phật Quan-thế-âm, vì cớ nào mà gọi rằng chữ Quan-thế-âm là coi tiếng đời ? » Thích-Ca khen : « Vô-tận-Ý thiết là đứng trai lành, mới hỏi

(1) Thế-tôn, người đời tôn trọng đời đời, lời tặng Thích-Ca.

quan kỳ âm thịnh, đại đặc giải thoát. Nhược hữu tri thị Quan-thế-âm bồ-tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu ; do thị bồ-tát, hoại thần lực cớ. Nhược vị đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu tức đặc siển xứ. Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu kim ngân lưu-ly, xa-cừ mã-nảo, sang-hồ, hồ-phách, trân-châu, đẳng-bửu ; nhập ư đại hải. Giã sư ắt phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La-sát qui quốc. Kỳ trung nhược hữu nãi chi nhứt nhơn, xưng Quan-thế-âm bồ-tát danh giả, thị chư nhơn đẳng đại đặc giải thoát La-sát chi nạn. Dĩ thị nhơn duyên danh Quan-thế-âm. Nhược phục hữu nhơn làm đương bị hại, xưng Quan-thế-âm bồ-tát danh giả ; bị sở chấp đao trượng, tầm đoạn-đoạn hoại ; nhi đặc giải thoát. Nhược tam thiên đại thiên quốc-dộ : Mãng-trung, Dạ-xa, La-sát, dục lai nảo nhơn. Vãng kỳ xưng Quan-thế-âm bồ-tát danh giả, thị chư ác quĩ thượng bất năng dĩ ác nhân thị chi, huống phục gia hại ?

Thiết phục hữu nhơn, nhược hữu tội nhược vô tội, sưu giải dà tỏa, kiểm kê kỳ thân ; xưng Quan-thế-âm bồ-tát danh giả, đại tất đoạn hoại, tức đặc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc-dộ, Mãng-trung hoàn tất, hữu nhứt thương chủ, tương chủ thương nhơn, tế tri trọng bửu, kinh quá hiềm lộ, kỳ trung nhứt nhơn tát thị, xưng ngôn : « Chủ thiên nam-tử, vật đặc khủng phổ, nhữ đẳng ứng đương nhứt tâm, xưng Quan-thế-âm bồ-tát danh hiệu, thị bồ-tát, nặng dĩ vô hỷ thi ư chúng sanh, nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán-tật, đương đặc giải thoát. » Chúng thương nhơn vãng cu phát thịnh ngôn. « Nam-mô Quan-thế-âm bồ-tát », xưng kỳ danh cớ, tức đặc giải thoát.

lời ấy! Dầu có nhiều chúng sanh đến số trăm ngàn muôn ức, bị các việc khổ não, nếu nghe tiếng Quan-thế-âm mà một lòng tin tưởng niệm vái: Quan-thế-âm bồ-tát cứu độ. Tức thì Quan-thế-âm nghe tiếng, đến cứu khỏi khổ-não. Nếu ai tin tưởng thờ phượng Quan-Âm, y theo lời dạy, dầu rủi bị té vô lửa cũng không cháy, vì có phò-hộ. Dầu té xuống sông, mà niệm Quan-Âm, thì gặp chỗ cạn. Ví dụ: có trăm ngàn muôn ức chúng sanh là kẻ thê, vì đi kiếm bạc vàng lưu-ly xa-cừ mã-nảo sang-hồ hồ-phách trân-châu, các món báu, thì phải đi ghe ra ngoài biển mà kiếm, rủi bị bão tố trôi ghe qua nước Quỷ là La-sát. Nội trong thuyền ấy dầu có một người niệm Quan-thế-âm bồ-tát cứu độ, thì cũng khỏi bị nước La-sát làm hại, bởi vì Quan-thế-âm nghe tiếng đời van vái thì cứu, nên xưng hiệu Quan-thế-âm (Quan-Âm). Nói cùng người tin tưởng Quan-Âm, rủi bị kẻ cầm gươm đao muốn làm hại, người ấy niệm Quan-thế-âm bồ-tát cứu mạng, thì gươm đao làm hại không dặng, hoặc gãy hoặc rớt, vì Quan-Âm cứu độ kẻ lành. Giả tí ba ngàn thế giới, cả ngàn thế giới trong trời đất, có kẻ hưng-hoang nước Mang-châu, hoặc quỷ Dạ-xa dưới biển, quỷ La-sát cõi ngoài, muốn làm hại người lành, người lành niệm Quan-thế-âm bồ-tát cứu mạng, thì các loài dữ ấy không dám ngó mặt cho chàng-chường, đâu đến nỗi làm hại?

Nói cùng kẻ có tội, hoặc không tội, bị trấn gông xiềng, biết ăn năn cải dữ làm lành, van vái Quan-thế-âm bồ-tát cứu độ, thì cũng khỏi các khổ ấy, chẳng những là oan.

Nếu ba ngàn thế giới, những giặc thù oán. Như có chủ tàu buôn, và các người buôn bán, chở những của báu, đi ngang qua đường nguy hiểm, nếu có một người nói như vậy: « Các anh đừng kinh hãi lo sợ, các anh đồng niệm Quan-thế-âm bồ-tát, thì Quan-thế-âm bồ-tát lấy sự không sợ mà bố hóa cho các người, nếu các người nghe lời tôi, một lòng đồng niệm Quan-thế-âm bồ-tát, thì lũ giặc thù oán ấy không làm hại, tự nhiên thất khỏi ». Các khách thương nghe lời đồng niệm: « Nam-mô Quan-thế-âm bồ-tát. » Niệm danh hiệu Quan-âm bồ-tát như vậy, đều thoát khỏi tai nạn.

Vô-tận-Ý ? Quan-thế-âm bồ-tát, ma-ha-tát. Oai thần chi lực, nguy nguy như thị. Nhược hữu chúng sanh, đa ư dâm dục thường niệm cung kiến. Quan-thế-âm bồ-tát, tiện đặc ly dục.

Nhược đa sân-nhiế, thường niệm cung kiến, Quan-thế-âm bồ-tát, tiện đặc ly sân.

Nhược đa ngu-si, thường niệm cung kiến, Quan-thế-âm bồ-tát tiện đặc ly si.

Vô-tận-Ý ? Quan-thế-âm bồ-tát hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích, thị cố chúng sanh, thường ưng tâm niệm.

Nhược hữu nữ-nhơn, thiết nhược cầu nam, lễ bái cũng đương Quan-thế-âm bồ-tát, tiện sanh phước đức, tri huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh doan chánh hữu tướng chi nữ. Túc tri đức bốn, chúng nhơn ái kiến.

Vô-tận-Ý ? Quan-thế-âm bồ-tát, hữu như thị lực. Nhược hữu chúng sanh, cung kiến, lễ bái Quan-thế-âm bồ-tát, phước bất đương quên. Thị cố chúng sanh đại ưng thọ trì Quan-thế-âm bồ-tát danh hiệu.

Vô-tận-Ý ? Nhược hữu nhơn thọ trì lực thập nhị ức, hằng hà sa bồ-tát danh tự, phục họa hình cũng đương, ẩm thực y-phục, ngọa cụ y dược; ư như ý, vân hà thị thiện nam tử, thiện nữ nhơn, công đức đa phủ ? »

Vô-tận-Ý ngôn : « Thập đa, Thế-tôn. » Phật ngôn : « Nhược phục hữu nhơn thọ trì Quan-thế-âm bồ-tát danh hiệu, nãi chi nhất thời lễ bái cũng đương, thị nhị nhơn phước chánh đẳng vô-di, ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận. »

Vô-tận-Ý ? Thọ trì Quan-thế-âm bồ-tát danh hiệu, đăt như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi. »

Vô-tận-Ý bồ-tát, bạch Phật ngôn : « Thế-tôn ? Quan-thế-âm

Vô-tận-Ý? Bởi Quan-thế-âm bồ-tát thiết thọ, oai linh, thần-thông voi-voi như vậy. Nếu có chúng sanh sa-mê dâm-dục, nay muốn lia sự ấy, thì thường niệm Quan-thế-âm bồ-tát, cứ cung kính hoải, thì tự nhiên bớt sự sắc dục.

Hoặc là ái hay quen tánh giận hờn, nay muốn bỏ nghiệp ấy thì thường cung kính và niệm Quan-thế-âm bồ-tát, thì hết tánh giận hờn.

Hay là kẻ khờ dại, thường cung kính, và niệm Quan-thế-âm bồ-tát thì cũng hết ngậy dại.

Vô-tận-Ý? Quan-thế-âm bồ-tát, oai linh thần thông như vậy nhiều việc lợi ích, nên chúng sanh hết lòng niệm tưởng.

Nếu có người đờn-bà, muốn cầu con trai, thờ lạy cầu khẩn Quan-thế-âm bồ-tát, thì sanh đặng con trai tốt tướng, và có trí huệ sáng-láng. Muốn cầu con gái, thì sanh đặng con gái tốt tướng mà đoan trang chính chuyên. Bởi vì nói giống có đức nên nhiều người thương yêu, và cung kính về sau.

Vô-tận-Ý? Quan-thế-âm bồ-tát có công lực như vậy. Nếu chúng sanh cung kính lạy cầu Quan-thế-âm bồ-tát, thì phước không mất. Bởi vậy cho nên chúng sanh đều chịu niệm Quan-thế-âm bồ-tát.

Vô-tận-Ý? Giả sử có người tin tưởng thờ phượng sáu mươi hai ức, hằng-hà phật bồ-tát, họa hình tượng mà thờ, giả như hết lòng tin tưởng sắm tới đồ ăn đồ mặc, đồ nằm, thuốc bổ, mà thờ phượng hằng hà bồ-tát, thờ phượng như vậy là cùng bực hao tổn. Theo ý người tưởng kẻ thiện-nam, tin-nữ thờ như vậy, sẽ được phước đức nhiều chăng?

Vô-tận-Ý bồ-tát bạch rằng: «Bạch Thế-Tôn, nếu thiện-nam tin-nữ thờ phượng được như vậy, thì phước đức nhiều lắm! Thích-Ca nói: «Nếu có một người khác, tin tưởng thờ phượng Quan-thế-âm bồ-tát, và niệm nội một giờ, thì phước đức cũng bằng người thờ các Phật, không khác đâu. Dầu muôn ức kiếp cũng không hết.

Vô-tận-Ý? Tin tưởng thờ phượng Quan-thế-âm bồ-tát, đặng phước đức không chỗ mà lường, cũng như biển, bên này không thấy mé bên kia. Sự lợi ích như vậy.

Vô-tận-Ý bồ-tát, bạch rằng: «Bạch Thế-tôn, vì có nào mà bồ-

tát, vân hà du-thữ ta bà thế giới ? Vân hà nhi vị chúng sanh thuyết pháp, phương tiện chi lực ? Kỳ sự vân hà ? » Phật cáo : « Vô-tận-ý bồ-tát, thiên nam-tử ? Nhược hữu quốc-độ chúng sanh, ứng dĩ phát thân đặc độ giả ; Quán-thế-âm bồ-tát, tức hiện phát thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thích-chi-phát thân đặc độ giả, tức hiện Thích-chi-phát thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thịnh-Vãng thân đặc độ giả, tức hiện Thịnh-Vãng thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Phạm-Vương thân đặc độ giả tức hiện Phạm-Vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đế-Thích thân đặc độ giả, tức hiện Đế-Thích thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tự-tại thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự-tại thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đại-tự-tại thiên, thân đặc độ giả, tức hiện Đại-tự-tại thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thiên-dại-tướng-quân thân đặc độ giả, tức hiện Thiên-dại-tướng-quân thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tì-sa-môn thân đặc độ giả, tức hiện Tì-sa-môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Liễu-vương thân đặc độ giả, tức hiện Liễu-vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ trưởng giả thân đặc độ giả, tức hiện trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ cư-sĩ thân đặc độ giả, tức hiện cư-sĩ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tể-quan thân đặc độ giả, tức hiện tể-quan, thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ bà-la-môn thân đặc độ giả, tức hiện bà-la-môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tì-khưu, tì-khưu-ni, ưu-bà-tất, ưu-bà-di thân đặc độ giả, tức hiện tì-khưu, tì-khưu-ni, ưu-bà-tất, ưu-bà-di thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ trưởng-giả, cư-sĩ, tể-quan, bà-la-môn, phụ nữ thân đặc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ đồng-nam đồng-nữ, thân đặc độ giả, tức hiện đồng-nam, đồng-nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thiên-long Dạ-xa, Càng-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-na-la, ma-hầu-la da nhưn phi nhưn đẳng thân, đặc độ giả tức đại hiện chi, nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ chấp-kim-cang thân đặc độ giả, tức hiện Chấp-kim-cang thân nhi vị thuyết pháp.

Quan-thế-âm bồ-tát đi ta bà thế giới; bởi có nào mà vì chúng sanh thuyết pháp giản kinh, hết sức bày phương pháp cho tiện người đời là có sao vậy? » Thích-Ca khen rằng : « Vô-tự-ý bồ-tát, thật là trai lành, mới hỏi lời ấy ! Bởi Quan bồ-tát thương chúng sanh lắm. Nếu người nước nào ưa Phật độ, thì Quan-thế-âm bồ-tát, hóa ra hình phật mà giản kinh. Nếu ưa ông phật Thích-chi độ, thì Quan-thế-âm bồ-tát hóa hình ông Phật Thích-chi mà giản kinh. Nếu mộ ông Phật Thịnh-Vãng độ, thì Quan-thế-âm bồ-tát, hiện hình ông Phật Thịnh-Vãng mà giản kinh. Nếu mộ vua Phạm-Vương độ, thì Quan-thế-âm bồ-tát, hiện hình vua Phạm-Vương mà giản kinh. Nếu mộ ông Đế-Thích độ, thì Quan-thế-âm bồ-tát, hiện hình ông Đế-Thích mà giản kinh. Nếu mộ ông Tự-tại-thiên độ, thì hiện hình ông Tự-tại-thiên mà giản kinh. Nếu mộ ông Đại-tự-tại thiên độ, thì hiện hình ông Đại-tự-tại thiên mà giản kinh. Nếu mộ ông Đại-trưởng-quân trên trời độ, thì hiện hình Đại-trưởng-quân trên trời mà giản kinh. Nếu mộ sãi Ti-sa-môn độ, thì hiện hình sãi Ti-sa-môn mà giản kinh. Nếu mộ ông vua nhỏ độ, thì hiện hình ông vua nhỏ mà giản kinh. Nếu mộ ông trưởng-giả (1) độ, thì hiện hình ông trưởng-giả mà giản kinh. Nếu mộ ông Cư-sĩ (2) độ, thì hiện hình ông Cư-sĩ mà giản kinh. Nếu mộ Quan-tể-trưởng (3) độ, thì hiện hình quan Tể-trưởng mà giản kinh. Nếu mộ vãi Bà-la-môn, thì hiện hình vãi Bà-la-môn mà giản kinh. Nếu mộ vãi Ti-khưu hay là vãi Ti-khưu hay là cô vãi lớn cô vãi nhỏ thì hiện hình sãi Ti-khưu, vãi Ti-khưu cô vãi lớn, cô vãi nhỏ mà giản kinh. Nếu mộ ông Trưởng-giả, ông Cư-sĩ, quan Tể-trưởng, vãi Bà-la-môn, hay là dờn-bà con gái mà độ thì hiện hình : ông Trưởng-giả, ông Cư-sĩ, quan Tể-trưởng, vãi Bà-la-môn, dờn-bà con gái mà giản kinh. Nếu mộ đồng-nam, đồng-nữ, (4) độ được, thì hiện hình đồng-nam, đồng-nữ mà giản kinh. Nếu mộ các vị Phật lớn nhỏ như : Thiên-long, Dạ-xa, Càng-thát-bà, A-tù-la, Ca-lâu-la, Càn-na-la, Ma-hầu-la, Đà-nhơn-phỉ-nhơn, mà độ đặng, thì Quan-Âm bồ-tát cũng hiện hình các vị ấy mà giản kinh. Nếu mộ thần Chấp-kim-cang độ, thì Quan-Âm cũng hiện hình thần Chấp-kim-cang mà giản kinh.

(1) Trưởng-giả là thầy tu. (2) Cư-sĩ là người tu tại nhà, có vợ có con. (3) Tể-trưởng quan Thừa-trưởng. (4) Đồng-nam, trai trẻ chưa vợ. — Đồng-nữ là con gái đồng-trình.

Vô-tận-Ý ? Thị Quan-thế-âm bồ-tát, thành tựu như thị công đức, dĩ churong-churong hình du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh. Thị cố nhữ đẳng ưng đương nhưt tâm cúng dường Quan-thế-âm bồ-tát. Thị Quan-thế-âm bồ-tát, ma-ha-tát, ư phổ-húy cấp nan chi trung, năng thí vô húy. Thị cố thử ta-bà thế giới đại hiệu chi vi thí vô húy giả.

Vô-tận-ý bồ-tát bạch Phật ngôn : « Thế-tôn, ngã kiểm đương cúng dường Quan-thế-âm bồ-tát. » Tức giải kinh chúng hữu châu anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tát thí ngôn. « Nhơn giả thọ thử pháp thí trân hữu anh-lạc. » Thời Quan-thế-âm bồ-tát, bất khản thọ chi. Vô-tận-ý phục bạch Quan-thế-âm bồ-tát ngôn : « Nhơn giả, mần ngã đẳng cố, thọ thử anh-lạc. » Nhĩ thời Phật cáo Quan-thế-âm bồ-tát : « Đương mần thử Vô tận ý bồ-tát, cấp tứ chúng Thiên-long, Dạ-xa, Càng-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-na-la, Ma-hầu-la, Đà-nhơn phi-nhơn đẳng cố; thọ thí Anh-lạc ». Tức thời Quan-thế-âm bồ-tát, mần chư tứ chúng, cấp ư Thiên-long, nhơn-phi-nhơn đẳng. Thọ kỳ anh-lạc, phân tát nhị phần ; nhưt phần phụng Thích-ca Mâu-ni Phật. Nhưt phần phụng Đa-bửu-phật tháp. Vô-tận-ý, Quan-thế-âm bồ-tát, hữu như thị tự tại thần lực du ư ta-bà thế-giới.

Nhĩ thời, Vô-tận-ý bồ-tát, dĩ kệ văn viết :

Thế-Tôn diệu tướng cụ,
Ngã kim trùng vấn bi.
Phật tử hà nhơn duyên,
Danh vi Quan-thế-âm ?
Cụ túc diệu tướng-tôn,
Kệ đáp Vô-tận-ý :
Nhữ thỉnh Quan-âm-hạnh,
Thiện ứng chư phương sở.
Hoảng thế thâm như hải,

Vô-tận-Y ? Bởi Phật Quan-thế-âm bồ-tát, có công lao đức hạnh lớn như vậy, hiện các hình mà đạo khắp các nước, mà độ chúng sanh, nên các người đáng đồng lòng thờ phượng Quan-thế-âm bồ-tát, thì Quan-thế-âm bồ-tát thiết thọ, hay là cho các người đừng sợ mạnh mẽ không sợ ; trong lúc kinh hãi cấp nan. Bởi cơ ấy nên các thế giới đều gọi Quan-thế-âm bồ-tát là Phật Thi-vô-hủy, nghĩa là bố thí sự sợ, không biết sợ, cho chúng sanh.

Vô-tận-Y bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn, tôi nay chịu thờ Phật Quan-thế-âm bồ-tát. « Nói rồi liền cỡi xâu chuỗi trong cổ ; những là các món châu báu tòng tui, giá đáng trăm ngàn lượng vàng, dựng cho Phật Quan-Âm, mà bạch lời này : « Xin ngài lấy lòng nhờn mà nhậm lễ chuỗi châu báu tòng tui ấy. « Quan-Âm bồ-tát không chịu nhậm lễ. Vô-tận-y, lại bạch với Phật Quan-thế-âm bồ-tát rằng : xin Phật Quan-thế-âm lấy lòng nhờn thương chúng tôi, mà nhậm xâu chuỗi này. « Khi ấy Phật Thích-Ca bảo Quan-thế-âm bồ-tát rằng : Phật Quan-Âm cũng đang thương Vô-tận-y bồ-tát với các vị Thiên-long, Dạ-xa, Càng-thát-bà, A-tú-la, Ca-lâu-la, Càn-na-la, Ma-hầu-la, Đà-nhơn-phĩ-nhơn, mà chịu lãnh xâu chuỗi tòng tui. » Quan-thế-Âm bồ-tát tức thời vưng lời, thương các vị ấy nên chịu lãnh xâu chuỗi, chia ra làm hai phần, một phần vưng cho đức Phật Thích-Ca mâu-ni, còn một phần dựng cho tháp Phật Đa-Bửu, là chỗ Văn-tấn-Y ở. Bởi Quan-thế-âm bồ-tát cơ sức tiêu điều tự tại, ta bà khắp thế-giới, nên mới dám chịu như vậy.

Khi ấy Vô-tận-Y bồ-tát đặt bài kệ vấn đáp với Phật Thích-Ca như vậy :

Phật thế tôn đủ các tướng màu nhiệm,
Nên tôi mới hỏi gan ngài rằng :
Phật bồ-tát vì cơ nào,
Mà xưng hiệu Quan-thế-âm ?
Phật thế tôn đủ các tướng nhiệm màu (là Thích-Ca),
Đặt lời kệ với Vô-tận-Y ;
Người nghe đức hạnh Phật Quan-Âm,
Hay linh hiển khắp các chỗ.
Thế rộng sâu như biển,

Lịch kiếp bất tự nghi.
Thị đa thiên ức phát,
Phát đại thanh tinh nguyện.
Ngã vị nhữ lược thuyết,
Văn danh cập kiến thân
Tâm niệm bất không quá.
Năng diệt chư hữu khổ,
Giả sử hưng hại ý,
Thôi lạc đại hỏa khanh.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Hỏa khanh biến thành trì.
Hoặc phiêu lưu cự hải,
Long ngư chư quỷ nạn.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Ba lăng bất năng một.
Hoặc tại Tu di phong,
Vị nhơn sở thối đoạ.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Như nhứt hư không trụ.
Hoặc bị ác nhơn trược,
Đọa lạc kim cang san.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Bất năng tồn nhứt ma.
Hoặc tri oán tất nhiều,
Các chấp đao gia hại.
Niệm bỉ Quan-âm lực
Hàm tức khởi từ tâm.
Hoặc bị vương nạn khổ,
Lâm hình dục thọ chung.
Niệm bỉ Quan-âm lực.
Đao tâm đoạn-đoạn hoại,
Hoặc tù cấm dả tỏa,
Thủ túc bị nộ giải.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Thích-nhiên đất giải thoát.
Chú thư chư độc được,
Sở dục hại thân già.

Mấy kiếp kể không xiết :
Thiệt hơn ngàn ức phật,
Phật nguyện nhiều đều thanh tịnh.
Ta nói sơ lược cho người nghe :
Nghe tên hoặc thấy hình.
Lòng tưởng không bỏ qua,
Hay trừ các sự khổ nạn.
Giả sử có ai ý muốn hại mình,
Xô té vô hàm lửa.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Hàm lửa nguội như biển ra ào nước.
Hoặc ghe trôi ra biển lớn,
Sợ cù, cá-xà, cá-mập và các quỷ biển làm hại.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Sóng gió chẳng chìm thuyền.
Hoặc lên hòn núi cao như núi Tu-Di,
Bị người ta xô té xuống.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Cũng không té xuống núi, như mặt nhật lưng đưng.
Hoặc bị kẻ dữ rước đuổi,
Xô vô núi Kim-Cang có chồng.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Cũng không hại một sợi lông.
Hoặc bị giật thù oán vầy,
Cầm dao quyết chém giết.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Chúng nó đổi lòng thương, không nỡ giết.
Hoặc bị việc hành hình,
Lúc hành hình gần chết.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Gươm đao gãy từ đoạn.
Hoặc bị tù gông xiềng.
Tay chơn bị còng trăn.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Tự nhiên dặng giải khỏi.
Bị trù bị rửa, và các thuốc độc,
Nó quyết làm hại mình.

Niệm bỉ Quan-âm lực,
Huòn trước ư bồn nhờn.
Hoặc ngộ ác La-sát,
Độc-long chư quỷ đẳng.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Thời tất bất cảm hại.
Nhược ác thú vi nhiều,
Lợi nha trảo khả phổ.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Tất tầu vô biên phương.
Ngoạn xà cặp phúc yết,
Khi độc yên hỏa-nhiên.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Tâm tỉnh tự hồi khứ.
Vân lôi cổ xiết diên,
Dán bạc chú đại vô.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Ứng thời đắc tiêu tàn.
Chùng sanh bị khốn ách,
Vô lương khổ bức thân.
Quan-âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.
Cụ túc thần thông lực,
Quảng tu tri phương tiện.
Thập phương chư quốc độ,
Vô-sát bất hiện thân.
Chưồng-chưồng chư ác thú,
Địa-ngục quỷ-súc sanh.
Sanh lão bệnh tử khổ,
Dĩ tiem tất linh diệt.
Chơn quán thanh-tịnh quán,
Quảng đại tri-huệ quán.
Bì quán, cập Từ-quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Vô cấu thanh tịnh quang,
Huê nhựt phá chư ám.
Năng phục tai phong hỏa,

Niệm Phật Quan-thế-âm,
Nó trở lại hại kẻ làm hại đó.
Hoặc gặp nước La-sát,
Con cù, độc và các quỷ dữ.
Niệm Phật Quan-thế-âm,
Các loài ấy không dám làm hại.
Nếu các thú dữ phũ vày,
Nanh vuốt bãi ghê gớm.
Niệm Phật Quan-thế-âm,
Các thú dữ đều chạy mất dất.
Rắn lớn rắn nhỏ, cùng rắn, bò-cạp,
Hoặc khi độc, lửa trời.
Niệm Phật Quan-thế-âm,
Các loài ấy đều tránh hết.
Mây vần-vũ chớp sấm sét,
Mưa đá hoặc mưa bão.
Niệm Phật Quan-thế-âm,
Tức thời đều tiêu tận.
Chúng sanh bị tai ách khốn nạn,
Sự khổ bức không cùng.
Quan-Âm có phép mầu,
Hay cứu sự khổ nạn kẻ thế-giang.
Bồi ngài đủ phép thần-thông,
Hay làm nhiều điều phước đức, cứu giúp.
Mười phương khắp các nước,
Không chỗ nào ngài không hiện hình.
Các sự tội-ác của người kẻ chẳng xiết,
Quỷ dưới Địa-ngục và súc-sanh.
Sự sanh ra, sự già, sự bệnh, sự thác, sự khổ,
Ngài đều cứu lần-lần khỏi khổ.
Cải am thiết cải am thịnh tịnh,
Cải am rộng lớn tri huệ,
Cải am thương, cải am lành.
Các am lành ấy hằng cầu khẩn thờ ngài,
Cải sang của người thiết trong sạch không bợn-nhơ.
Tri huệ người sáng như mặt nhật, phá các sự tối,
Cho nên hay trị tai nạn, gió, lửa.

Phổ minh chiếu thế gian.
Bi thể giải lòi chân,
Tứ ý diệu đại vân.
Chư cam lộ pháp vô,
Diệt trừ phiền não diệt.
Tránh tụng kinh quan xứ,
Phổ hỷ quân trần trung.
Niệm bỉ Quan-âm lực,
Chứng oán thất thối tán.
Niệm âm Quan-thế-âm,
Phạm-âm hải triều-âm.
Thắng bỉ thế gian-âm,
Thị cố tu thường niệm.
Niệm niệm vật sanh nghi,
Quan-thế-âm tịnh thành.
Ư khổ não tứ ách,
Năng vi tát y hộ.
Cụ nhứt thiết công đức,
Tứ nhân thị chúng sanh.
Phước tụ hải vô lượng,
Thị cố ưng danh lễ.

Nhĩ thời Tri-địa-bồ-tát, tức tụng tọa khởi, tiền bạch phát ngôn
« Thế-Tôn, nhược hữu chúng sanh, vãng thị Quan-thế-âm bồ-tát
phẩm. Tự tại chi nghiệp, Phổ-môn thị hiện, thần thông lực giả,
Đương tri thị nhơn, công đức bất thiểu ». Phật thuyết thị Phổ-
môn phẩm, thời chúng trung bác vãng tứ thiên chúng sanh, đại
phát vô đẳng-dẳng, A-nậu da-la tam diệu tam bồ đề tâm.

Diệu pháp liên-hoa kinh, Quan-thế-âm bồ-tát Phổ-môn phẩm
chơn ngôn viết: Âm, da-rị, da-rị, Đốt da-rị, đốt-đốt da-rị, Ta-bà-ha.
(Đọc ba lần).

Lục tự Đại-Minh chơn ngôn :
Âm ma ni bác di Hộng.

(Sáu chữ này, niệm một trăm lần).

Sự sáng chói khắp cả thế-giang,
Thề ngãi thương, răng sự sấm sét, không giận.
Ý ngãi lạnh, lộng lộng như mây lớn,
Rưới nước cam-lô trong bình, như mưa phép.
Mà trừ cái lửa phiền não trong lòng chúng sanh,
Nếu ai bị thừa kiện tại quan.
Hoặc bị giặc giả, nên kinh hải,
Niệm Phật Quan-thế-âm.
Các sự oán dữ ấy đều lui tan,
Niệm tiếng Quan-thế-âm.
Và niệm thần chú tiếng chơn ngôn, như sông biển,
Niệm phải tin tưởng, hơn là tiếng thế-giang niệm không.
Bối vậy niệm, mà lòng hằng tưởng,
Niệm tưởng đừng nghi nan.
Quan-thế-âm là thánh thanh tịnh,
Những sự khổ não, tai ách và thê.
Thì đều nhờ cậy ngãi,
Bối ngãi đủ công lao, hơn đức cả thầy.
Con mắt ngãi hiền lành, hay coi chừng chúng sanh,
Nếu nghe lời ngãi dạy, thì được phước rộng như biển.
Nên đáng thờ lạy ngãi.

Khi ấy có ông Phật Tri-địa bồ-tát, đương ngồi nghe liền đứng dậy, mà bạch với đức Phật Thích-ca rằng: « Bạch Thế-tôn, nếu chúng sanh nghe đặng kinh Phổ-môn của Quan-thế-âm bồ-tát đây, mà rõ sự tiêu-diêu tự-tại tự nhiên có sức thần thông, hiện hình dạy khắp các cửa (các nơi) sự thần thông ngãi như vậy, thì phước người ấy chẳng ít. Phật Thích-Ca đặt kinh Phổ-môn rồi, thời hơn tám muôn bốn ngàn chúng sanh nghe kinh này, đều phát tâm quyết tu ba bậc cho thành chánh quả.

Thần chú kinh Diệu-pháp liên-hoa Phổ-môn, của Quan-thế-âm bồ-tát, đặt tiếng chơn ngôn rằng:

(Cứ đó mà đọc, chớ không hiểu nghĩa, vì tiếng nước Tây-vực, giống tiếng Thiên-trước).

Sáu chữ thần chú Đại-Minh cùng lời chơn ngôn như vậy, niệm 100 lần.

QUAN-ÂM KINH-TOÁN

*Phổ-môn thị hiện; cứu khổ làm lành,
Từ bi thuyết pháp độ mê tàn.
Phổ cảm ứng tùy hình, từ hải thanh ninh,
Bác nạn vĩnh vô xâm.*

Nam-mô : hiệu viên thông, danh tự tại Quan-Âm Như-lai, quân phát hoằng thệ nguyện.

Nam-mô : nhứt niệm tâm vô quái ngại, Quan-Âm Như-lai, thường cư Nam-hải nguyện.

Nam-mô : trụ ta-bà U-minh giải, Quan-Âm Như-lai, tầm thính cứu khổ nguyện.

Nam-mô : hàng tà-ma, trừ yêu-quái, Quan-Âm Như-lai, năng trừ nguy hiểm nguyện.

Nam-mô : thanh tịnh bình, thủy dương liễu, Quan-Âm Như-lai, cam-lộ sai tâm nguyện.

Nam-mô : đại từ bi, năng hĩ xả, Quan-Âm Như-lai, thường hành bình đẳng nguyện.

Nam-mô : trú dạ tuần, vô tổn hoại, Quan-Âm Như-lai, thệ diệt tam đồ nguyện.

Nam-mô : vọng Nam-nham, cần lễ bái, Quan-Âm Như-lai, đà lỏa giải thoát nguyện.

Nam-mô : tạo pháp thuyền, du khổ hải, Quan-Âm Như-lai, độ tận chúng sanh nguyện.

Nam-mô : tiền tràng phang, hậu bửu cái, Quan-Âm Như-lai, tiếp dẫn tây phương nguyện.

Nam-mô : vô lượng thọ, phát cánh giải, Quan-Âm Như-lai, Di Đà thọ ký nguyện.

Nam-mô : đoan nghiêm thân, vô tử thại, Quan-Âm Như-lai, quả tu thập nhị nguyện.

LỜI KHEN KINH PHỔ-MÔN

Quan-Âm hiện hình dạy khắp cửa, tìm tiếng chúng sanh niệm vái mà cứu khổ nạn.

Lòng lành thương giản dạy mà độ như khỏi bến mê. Có lòng tin tưởng thì ngài cứu độ, như bóng theo hình, khắp trong bốn biển ngài cũng độ yên.

Tám nạn là: giết, trộm, cướp, dối, khó, nước, lửa, ôn-dịch, tật-bệnh, tám-nạn ấy ngài đều cứu khỏi, không xâm phạm mình.

Mười hai câu nguyện lớn của Quan-Âm.

1^o Quan-Âm Như-Lai, hiệu danh tự-tại thông-thả, thanh-nhân, hay nguyện thế độ người đời, nguyện rộng.

2^o Quan-Âm Như-Lai, lòng tưởng sự từ bi, thương đời không ngại chi cả, hay ở tại biển Nam núi Phổ-dà.

3^o Quan-Âm Như-Lai, đi ta-bà, cho tới cõi U-minh là Âm-phủ, tìm tiếng người niệm vái mà cứu khổ nạn.

4^o Quan-Âm Như-Lai, trị tà-ma: trừ yêu-quái, mà trừ sự nguy hiểm cho đời.

5^o Quan-Âm Như-Lai, có bình nước cam-lộ, như nước mùi-sương, lấy nhánh-dương nhúng nước ấy, rưới lòng người hết phiền não.

6^o Quan-Âm Như-Lai, cả lòng lành lòng thương, hay dung chể, cứ làm việc công bình.

7^o Quan-Âm Như-Lai, ngày đêm đi dạo tuần, không trễ nải, vì ngài biến muôn ngàn hình, cứu ba đều, nước, lửa, đao.

8^o Quan-Âm Như-Lai, coi những kẻ hay trở về hướng nam mà lay cầu ngài, thì ngài cứu khỏi những sự lao tù trần trối.

9^o Quan-Âm Như-Lai, vi như ngài làm chiếc thuyền phép, thả giữa biển khổ, mà cứu vớt hết những kẻ chìm nổi.

10^o Quan-Âm Như-Lai, trước có cây phượng, sau có cây tán bàu, để tiếp dẫn kẻ tu-hành đạo phật, về Tây-phương.

11^o Quan-Âm Như-Lai, ngài mến chỗ cảnh phật là sống hoài, nên truyền đạo phật, Di-Đà ở nước Cực-Lạc, mà độ hồn về.

12^o Quan-Âm Như-Lai, mình đoan trang nghiêm nghị, không ai sánh bằng, cứ giữ tu mười hai lời nguyện này.

CỦ' TOÁN

Quan-Âm đại-sĩ, phổ hiệu viên thông.
Thập nhị đại nguyên thế hoằng thâm.
Khô hải phiếm từ phong.
Phổ tế tâm dung, sát-sát hiện vô cùng,
Nam-mô Thánh quan tự-tại bồ-tát.

BỒ-KHUYẾT TÂM-KINH

Thị đại-thần-chủ

Ma-ha-bác-nhã ba-la mật-đa Tâm-kinh.

Quan tự-tại bồ-tát, hành thâm bác-nhã ba-la mật-đa. Thời
chiếu kiến ngũ huân đại không, độ nhứt thiết khổ ách. Nả-lợi-
tử sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không
tức thị sắc. Thọ tướng hành thức diệc phục nhi thị. Nả-lợi-tử,
thị chư pháp không tướng. Bất sanh, bất diệc, bất cấu, bất tịnh,
bất tổn, bất giảm, Thị cố không trung vô sắc. Vô thọ tướng
hành thức vô nhân nhĩ tử thiết thân ý, vô sắc thính hương vị
xúc pháp. Vô nhân giải, nãi chi vô ý thức giải. Vô vô-minh, diệc
vô vô-minh tận. Nãi chi vô lão-tử, diệc vô lão-tử tận. Vô khổ tập
diệt đạo. Vô tri diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố cố, bồ-đề-tát đóa. Y
bác nhã ba-la mật-đa cố, tâm vô quái-ngại. Vô quái-ngại cố,
vô hữu khủng phố. Viễn ly diện đảo mộng tưởng, cứu-cảnh niết
bàn. Tam thế chư phật, y bác-nhã ba-la mật-đa, cố đắc a-nậu-đa-
la tam diệu tam bồ-đề. Cố tri bác-nhã ba-la mật-đa, thị đại-thần-
chủ, thị đại minh chủ, thị vô thượng chủ, thị vô đẳng-đẳng chủ.
Năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cố thuyết bác-nhã
ba-la mật-đa chủ.

LỜI KHEN MƯỜI HAI CÂU NGUYỆN :

Phật Quan-Âm, hiệu Đại-sĩ, danh hiệu thông khắp nơi.

Mười hai câu nguyện lớn thề độ đời rất nặng.

Cũng như thả chiếc thuyền lành nơi biển khổ mà vớt người.

Lòng ngài cứu giúp khắp người đời, nơi nơi nhờ vô cùng.

Kinh niệm ngài hiệu là : Thanh-quan tự-tại bồ-tát, ngài đặt tâm kinh này, mà bồ mấy chỗ còn thiếu. Hiệu tâm kinh này kêu theo tiếng Tây-vực là : « Ma-ha-bát-nhả ba-la mật-đa. » Nghĩa là kinh Thiết-thọ của Phật. Như cái tâm pháp của ngài truyền : ai tu theo đúng như vậy thì sẽ thành Phật, nên gọi là mẫu-nhiệm trong kinh này.

Quan-Âm ngài xưng hiệu là Quan-tự-tại bồ-tát, nghĩa là coi sự thành Phật bồ-tát là tại nơi mình tu. Bởi làm theo tâm kinh này mà đúng sự mẫu-nhiệm thành chánh quả. Là tại thường không cố ngã huân là ngã quan. Con mắt, lỗ tai, cái miệng, lỗ mũi, cái thân mình. Không là : con mắt không ngó sắc tà, sự tà, không ngó sự quấy. Lỗ tai không nghe tiếng tà, lời tà, đều quấy. Lỗ miệng không nói lời tà, lời quấy, lời dữ, lời tổn đức, lời tục tiểu, lời vô ích. Lỗ mũi không hửi mùi nặng, mà tưởng ăn đồ nặng, thịt cá, rượu, vẩn vẩn.

Cái thân không đắm mê sự quấy. Được năm mỗi ấy đều không quấy như vậy thì khỏi các sự khổ nạn tai ách. Xả-lợi-tử là cái tâm, đạo Phật trọng cái tâm lắm. Cái tâm qui không nhớ, coi sự không cũng như có, có cũng như không, thì có cũng như không, không cũng như có, nếu không tham, không giận, không đắm sa việc đời, vì biết việc đời là việc giả, rất dối cái thân mình còn không chắc chừng nào mất thay huống chi là các việc uẩn của bề ngoài, nên cứ lo tu sửa cái tâm cho chánh, thì sau theo Phật. Bởi vậy cho nên chịu việc chi, tưởng việc chi, làm việc chi, biết việc chi, cũng suy xét như vậy. Và cái tâm mình là không. Không hơn các món, cái tâm là chỉ linh hồn, thần hồn. Cái thần hồn là Xả-lợi-tử, không sanh ra nữa, mà cũng không chết, không dơ không sạch chi hết thấy, ấy là trời sanh tự nhiên, nên không thêm không bớt. Cho nên

TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT :

Yết-đế, yết-đế, Ba-la, yết-đế, Ba-la tăng yết-đế, Bồ-dề-tát, bà-ha, Ma-ha bác-nhả ba-la mật-đa Tâm kinh chung.

ĐẠI BỒ KHUYẾT CHƠN NGÔN

Âm, bối tu ra, mại tự qua. Ngũ bất chân, tạn tự đa. Ý bất huyền, tâm tức ta. Mậu tụng kinh, thêm giảm tha.

Hương hoa tịnh thủy thành tâm ý.

Bồ khuyết viên mạng tội tiêu ma.

Chư Phật Long-thiên cầu sám-hối.

(Đọc ba lần).

Nam-mô cầu sám-hối bồ-tát.

VĂN SANH THÂN CHÚ :

Nam-mô a-di-đa bà-đà, Đa-tha dà-da-đà. Đa địa dạ-tha. A-di rị-dô bà-tì. A-di rị-đa, tất đàm bà-tì. A-di rị-đa tì-ca lan-đế. A-di rị-đa tì-ca lan-đa, Đà-di nị dà dà-na, chi đa ca-đệ ta bà-ha.

(Chữ văn sanh này đọc ba lần).

thần hồn không ai thấy như sắc này màu kia. Nếu luyện thần hồn không ngó, đừng tham quấy không tưởng quấy, không làm quấy, không biết tới sự quấy, con mắt, lỗ tai, cái miệng, cái mũi, cái mình, cái ý, sáu cái ấy là lục căn, sáu cái cội rễ, cho thanh tịnh tự nhiên, đừng động tới sự quấy, thì lục trần là : sắc thính hương vị xúc pháp, nó không quên đặng. Nghĩa là sáu việc trần tục là : sắc tốt, tiếng êm tai, mùi thơm mũi ngon sự động, sự vọng tưởng, nó không quên dụ thần hồn đặng. Nghĩa là con mắt không ngó sắc tả, thì lỗ không sắc. Lỗ tai không nghe tiếng quấy thì là không thính. Lỗ mũi không mê mùi thơm thì là không hương. Lỗ miệng không thèm đồ mặng, thì là không vị. Cái mình không động tới đồ quấy, thì là không xúc. Cái ý không vọng tưởng sự quấy, thì là không pháp. Trước hết bởi con mắt mình không ngó, thì cái ý không động sự vọng tưởng sa đắm. Nên cái giận là lửa vô-minh, nóng nãy như lửa, mà lửa không sáng, lửa lòng, nó làm mệt tâm thần mà sanh lòng giữ, nên tưới cái lửa vô-minh, mà phải tưới cho hết, đừng giận hơn chút nào, thì trong lòng mát mẻ thanh-tịnh thì nó không sanh bệnh hoạn, tự nhiên được không già, và cũng không chết, vì hỏa không vọng thì không già không chết. Chẳng những sự giận nó vọng hỏa, sự cố sắc dục nó cũng vọng hỏa, vọng tưởng nó cũng vọng hỏa, nên người đời già và chết là tại vọng hỏa. Nếu không vọng hỏa thì không già, không chết, chẳng phải nói dối. (Nên đạo tiên cấm tửu sắc tái khí, cũng trọng chữ thanh tịnh là cội rễ). Đặng như vậy thì không lo gì là sự khổ não nó làm cho hư đạo mình, không nên loan mưu tính kế cho tồn tri khôn, cũng đừng tham dặng sự lợi cho nhiều. Bởi không tham việc đời đó, thì đạo-tâm càng bền chắc. Vì y theo Tâm-kinh này mà tu, thì lòng không nghi ngại lo lắng chi cả. Nhờ không nghi ngại lo lắng đó nên trong lòng không kinh hãi sợ sệt. Nhất là phải tu luyện cái tâm thần, tránh sự tráo trở, mơ tưởng chiêm bao, đừng vọng tưởng mơ ước sự không có, cứ xét nét hội niết bàn, là ngày mồng tám tháng mười, các vị phật hội đồng giảng kinh, nghĩa là xét nét nghĩa lý trong kinh phật giảng, phật Thích-Ca giảng đạo cho nhiều, rút lại cũng trọng chữ vô-vi (hư vô) không-không cũng như đạo tiên mặc-mặc-mặc, vô hạn thần tiên từng thử đắc, nghĩa là bao nhiêu thần tiên cũng nhờ chữ thanh tịnh, cứ làm thính lặn lẽ mà dưỡng khí dưỡng thần, để trong lòng cho thanh tịnh,

Bồi cơ ấy nên ba vị phật tam thế, là : Di-Đà, Thế-Chi, Quan-Âm, cũng y theo tâm kinh này, mà dựng thành chánh quả ba ngôi (tam thừa) thượng thừa, trung thừa, hạ thừa. Thượng quả vị là chánh quả bậc trên bề nhà cửa, không vợ chồng, xuất gia tu hành lo dạy dỗ đạo. Trung thừa quả vị cũng trường trai như bậc thượng thừa mà giữ ngũ giới cấm, nhưt bất sát sanh, nhì bất tu đạo, tam bất tà-dâm, tứ bất tửu nhục, ngũ bất vọng ngữ. Nghĩa là năm điều cấm rằng : thứ nhứt cấm giết người giết vật, thứ nhì cấm trộm cắp, thứ ba cấm tà dâm, hoa nguyệt lấy vợ người, lấy chồng người, đờn-bà chồng chết không thủ tiết, và sự loạn luân, hoặc vô lễ không cười hời ; (Chớ không phải cấm vợ chồng thường); thứ tư cấm uống rượu ăn mặng; thứ năm cấm nói dối, nói quấy, song trung thừa được ở nhà mình, những người lớn tuổi mới được hai bậc ấy, vì phải dứt đường sắc dục, mà luyện tinh khí thần.

Còn bậc hạ thừa quả vị dễ lắm, gọi là cư-si ở nhà mình, vợ chồng như thường, sanh đẻ gả cưới, theo như đạo nho, song cấm tà dâm như điều rằng thứ ba gần trên đó, và phải trường trai tu hành, mới coi cũng như kẻ thế, mà tu tâm tu thân, sau cũng thành chánh quả, đứng vào tam thừa quả vị phật gọi là (tam diệu tam bồ-đề).

Cho nên phải biết Tâm kinh này là thần chú lớn, gọi là thần chú Đại-minh sáng cả thấy. Thần chú bậc thượng, không thần chú nào trên nữa, không cần các thần chú khác. Trừ dựng cả thấy sự khổ não, thiệt chắc như vậy không sai, nên tiếng phật gọi là thần chú Bát-nhã ba-la mật-đa. Đọc mấy chữ thần chú chơn ngôn đó, thì hết Tâm kinh.

ĐỌC-KINH BỒ-KHUYẾT

Sợ tụng có sai siển thiếu khuyết nên phải bồ khuyết cho đủ, vân vân, (Chịu lỗi)

Bồi đọc sai chữ, hoặc tiếng cọ-kẹ không rõ ràng, vì chữ chơn ngôn, tàu âm cứng tiếng. Hoặc là đọc sai không trúng, hoặc bồ sót, vì vô tâm mà lắm. Hoặc đương tụng kinh mà không chăm

chỉ hết ý vô đó, lòng tưởng chuyện khác tụng lắm, đọc thêm bớt, đều có tội nay sẵn hương hoa trà nước, lấy lòng thành tụng bài bồ khuyết này mà sám-hối chịu lỗi cho tiêu hết tội lỗi. Cầu các vị phật và thần Thiên-long hay là Long-Thiên là ông Hộ-pháp về hình phía sau đó (ông ấy họ Vi tên Hộ đời Châu, sau tu hành Hộ-pháp, bảo hộ sự tụng kinh). Minh cầu với mấy vị đó mà sám hối, chịu lỗi. Rồi niệm ông phật Cầu-sám-Hối chứng minh.

Rốt hết đọc ba biến (3 lần) thần chú Văn-sanh, gọi là thần chú Đà-la-ni, cửa phật Di-Đà để tụng cho kẻ thế thác được đi đầu thai cho mau khỏi cầm địa ngục, thầy Tam-Tạng dịch ra tiếng tàu gọi là Văn-sanh. Có giấy tiền Văn-sanh có in thần chú ấy, đốt cho vong hồn mau đầu thai.

Qui bằng trăm tờ giấy tiền thường. Thần chú Văn-sanh đọc mấy tên hiệu ông phật hay độ tử, cầu cho mau đầu thai chớ không có nghĩa chi mà giã.

PHỔ-MÔN-KINH, CHUNG



45

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

500

12 / 1

7

J. R. Duvivier